Jessie Hayden Elementary School

Phiếu Báo Cáo Trách Nhiệm Giải Trình của Trường Học năm 2023-2024
(Công bố trong năm học 2024-2025)



Thông tin chung về Báo Cáo Trách Nhiệm Giải Trình của Trường Học (SARC)

Tổng quan về SARC



Theo luật của tiểu bang, trước ngày 1 tháng 2 hàng năm, mọi trường học ở California đều phải công bố Báo Cáo Trách Nhiệm Giải Trình của Trường Học (SARC). SARC bao gồm các thông tin về tình trạng và thành tích của từng trường công lập tại California. Theo Danh Mục Kiểm Soát Tài Chính Địa Phương (LCFF), tất cả các cơ quan giáo dục địa phương (LEA) đều phải lập Kế Hoạch Tự Chủ và Trách Nhiệm Giải Trình của Địa Phương (LCAP), trong đó mô tả cách họ dự định đạt được các mục tiêu cụ thể hằng năm của trường học cho tất cả học sinh, với các hoạt động cụ thể nhằm giải quyết các ưu tiên của tiểu bang và địa phương. Ngoài ra, dữ liệu được báo cáo trong LCAP phải nhất quán với dữ liệu được báo cáo trong SARC.

- Để biết thêm thông tin về các yêu cầu của SARC và quyền truy cập các báo cáo của những năm trước, vui lòng tham khảo trang web SARC của Cơ Quan Giáo Dục California (CDE) tại địa chỉ https://www.cde.ca.gov/ta/ac/sa/.
- Để biết thêm thông tin về LCFF hoặc LCAP, vui lòng truy cập trang web LCFF của CDE tại https://www.cde.ca.gov/fg/aa/lc/.
- Để biết thêm thông tin về trường học, phụ huynh/người giám hộ và thành viên cộng đồng nên liên hệ với hiệu trưởng trường học hoặc văn phòng khu học chánh.

Quý vị có thể yêu cầu nhận bản cứng Phiếu Báo Cáo Trách Nhiệm Giải Trình của Trường Học tại Văn Phòng Trường.

DataQuest

DataQuest là một công cụ dữ liệu trực tuyến tích hợp trên trang web DataQuest của CDE tại địa chỉ https://dq.cde.ca.gov/dataquest/ bao gồm thông tin bổ sung về trường học này và thông tin so sánh giữa trường với khu học chánh và quận. Cụ thể, DataQuest là một hệ thống động cung cấp các báo cáo về trách nhiệm giải trình (ví dụ: dữ liệu khảo thí, tuyển sinh, học sinh tốt nghiệp trung học, bỏ học, số lương ghi danh khóa học, nhân sự và dữ liệu liên quan đến người học tiếng Anh).

Bảng Thông Tin Trường Học Tiểu Bang California

Bảng Thông Tin Trường Học Tiểu Bang California (Bảng Thông Tin) https://www.caschooldashboard.org/ phản ánh hệ thống cải tiến liên tục và trách nhiệm giải trình mới của California và cung cấp thông tin về cách các LEA và trường học đáp ứng nhu cầu của các nhóm học sinh đa dạng tại California. Bảng Thông Tin chứa các báo cáo hiển thị thành tích hoạt động của LEA, trường học và nhóm học sinh theo một loạt các thước đo của tiểu bang và địa phương để hỗ trợ xác định điểm mạnh, thách thức và lĩnh vực cần cải thiện.

Truy cập Internet

Có thể truy cập Internet tại các thư viện công cộng và những địa điểm khác mà công chúng có thể truy cập (ví dụ: Thư Viện Tiểu Bang California). Việc truy cập Internet tại các thư viện và địa điểm công cộng thường được thực hiện theo nguyên tắc ai đến trước được phục vụ trước. Các hạn chế sử dụng khác có thể bao gồm giờ hoạt động, thời gian sử dụng máy trạm (tùy theo tình trạng sẵn có), loại chương trình phần mềm có sẵn trên máy trạm và khả năng in tài liệu.

Yêu Cầu Tuyển Sinh vào Đại Học California (UC)	Yêu cầu tuyển sinh vào UC tuân theo các hướng dẫn nêu trong Kế Hoạch Chung, trong đó yêu cầu một phần tám số học sinh tốt nghiệp trung học phổ thông của tiểu bang, cũng như những học sinh chuyển trường đã hoàn thành các khóa học đại học cụ thể, đủ điều kiện được tuyển sinh vào UC. Những yêu cầu này được thiết kế nhằm đảm bảo tất cả học sinh đủ điều kiện đều được chuẩn bị đầy đủ cho chương trình học ở bậc Đại học. Để biết các yêu cầu tuyển sinh chung, vui lòng truy cập trang web Thông Tin Tuyển Sinh của UC tại địa chỉ https://admission.universityofcalifornia.edu/.
Yêu Cầu Tuyển Sinh vào Đại Học Tiểu Bang California (CSU)	Điều kiện để được nhận vào CSU được xác định bởi ba yếu tố: (1) Các khóa học cụ thể ở trường trung học, (2) Điểm số ở các khóa học cụ thể và điểm thi, và (3) Tốt nghiệp trung học. Một số trường có tiêu chuẩn cao hơn cho các chuyên ngành cụ thể hoặc học sinh cư trú bên ngoài khu vực trường. Do số lượng học sinh nộp đơn nhiều nên một số trường có tiêu chuẩn cao hơn (tiêu chuẩn tuyển sinh bổ sung) cho tất cả các ứng viên. Hầu hết các cơ sở CSU đều có chính sách đảm bảo tuyển sinh tại địa phương cho học sinh tốt nghiệp hoặc chuyển tiếp từ các trường trung học và cao đẳng có lịch sử liên kết với cơ sở CSU trong khu vực đó. Để biết thông tin về tuyển sinh, cách nộp đơn và lệ phí, vui lòng tham khảo trang web CSU tại địa chỉ https://www2.calstate.edu/.

Thông tin liên lạc của Trường năm học 2024-25

Tên Trường học	Jessie Hayden Elementary School
Đường phố	14782 Eden Street
Thành phố, Tiểu bang, Mã bưu chính	Midway City, CA 92655
Số điện thoại	(714) 894-7261
Hiệu Trưởng	Wendy Baird
Địa chỉ email	wbaird@wsdk8.us
Trang web của Trường	hayden.wsdk8.us
Phạm vi cấp lớp	K-5
Mã Quận-Khu Học Chánh-Trường (CDS)	30667466030829

Thông tin liên lạc của Khu học chánh 2024-25

Tên Khu học chánh	Westminster School District
Số điện thoại	(714) 894-7311
Giám Đốc Khu Học Chánh	Dr. Gunn Marie Hansen
Địa chỉ email	Cherylsosa@wsdk8.us
Trang web của Khu học chánh	wsdk8.us

Mô Tả và Tuyên Bố Sứ Mệnh của Trường năm học 2024-25

Principal's Message:
In accordance with Proposition 98, every school in California is required to issue a School Accountability Report Card. We are proud of Hayden Elementary School and welcome this opportunity to tell you more about us. Hayden Elementary School has an ongoing tradition of academic excellence. The students, parents, staff, and community members have joined together to assure success for all students. The staff at Hayden believes each child is unique and deserving of a rich academic environment. Each student has access to a rigorous, standards-based core curriculum in language arts, mathematics, science, and social science.

The highly qualified, professional staff is dedicated to the success of our students. We are fortunate to have many experienced and knowledgeable teachers eager to make a difference for our students. We believe that all children can learn through a student-centered approach, providing an atmosphere that nurtures each child's health, social, emotional, and intellectual needs. All children have talents and are given opportunities to develop those talents. We care about each one of our students and we want them to be successful, life-long learners.

Mô Tả và Tuyên Bố Sứ Mệnh của Trường năm học 2024-25

Hayden Elementary School prides itself on involving parents and community members in every aspect of our school. We welcome visitors on campus for classroom visitations, student recognition assemblies, musical performances, and other special events. We believe that the partnership of parents, community members, and staff working together is the foundation for the success of our students. We are very proud of this fine tradition at Hayden Elementary School.

School Mission Statement:
It is our collective responsibility to educate and empower all students to pursue excellence through a distinctive, rigorous, and engaging academic experience.

School Profile:
Westminster School District is located 35 miles southeast of Los Angeles in the city of Westminster, California, in beautiful Orange County. Real estate opportunities, self-owned businesses, marketing companies, and a variety of private and public sector organizations enrich the local economy. Dr. Jessie K. Hayden Elementary School first opened in 1962 becoming Westminster School District's third school and since then has continued to provide students in grades preschool through five with a challenging educational experience. Hayden Elementary School operates on a traditional schedule with 520 students enrolled at the beginning of the 2024-25 school year. Student body demographics are approximately: 58% Asian (primarily Vietnamese), 36% hispanic, 3% white, 3% other or mixed. 56% are ELs. 11% homeless, 80% SED, 12% SWD

Giới thiệu Trường

Tuyển sinh năm 2023-24 theo từng khối lớp

Khối lớp	Số lượng học sinh
Mẫu Giáo	121
Lớp 1	65
Lớp 2	75
Lớp 3	98
Lớp 4	85
Lớp 5	108
Tổng tuyển sinh	552

Tuyển sinh năm 2023-24 theo nhóm học sinh

Nhóm học sinh	Phần trăm tổng tuyển sinh
Nữ	48.7
Nam	51.3
Người gốc Á	56.7
Người Da Đen hoặc Người Mỹ gốc Phi	0.7
Người gốc Philippines	1.1
Người gốc Tây Ban Nha hoặc La tinh	36.4
Người Hawaii Bản Địa hoặc Người dân đảo Thái Bình Dương	0.4
Học sinh thuộc hai chủng tộc trở lên	1.6
Người Da Trắng	2.5
Người Học Tiếng Anh	50.4
Thanh thiếu niên thuộc diện chăm sóc nuôi dưỡng	0.4
Học sinh vô gia cư	8.9
Học sinh có hoàn cảnh kinh tế xã hội khó khăn	79.9
Học sinh khuyết tật	13.8

A. Điều kiện học tập

Ưu tiên của Tiểu bang: Cơ bản

SARC cung cấp các thông tin sau đây có liên quan đến ưu tiên của Tiểu bang: Cơ bản (Ưu tiên 1):

- Mức độ giáo viên được phân công phù hợp và có đầy đủ chứng chỉ trong lĩnh vực môn học và đối tượng học sinh mà họ giảng dạy;
- Học sinh có quyền tiếp cận các tài liệu giảng dạy phù hợp với tiêu chuẩn; và
- Cơ sở vật chất của trường được bảo trì tốt.

Chuẩn Bị và Bố Trí Giáo Viên năm 2020-21

Ủy quyền/Phân công	Trường học Số	Trường học Phần trăm	Khu học chánh Số	Khu học chánh Phần trăm	Tiểu bang Số	Tiểu bang Phần trăm
Được cấp phép đầy đủ (sơ bộ hoặc rõ ràng) cho môn học và xếp lớp của học sinh (được phân công phù hợp)	26.00	88.14	361.60	88.06	228366.10	83.12
Người giữ chứng chỉ thực tập được phân công phù hợp	0.00	0.00	0.00	0.00	4205.90	1.53
Giáo viên không có chứng chỉ và phân công sai (“không hiệu quả” theo ESSA)	0.00	0.00	17.00	4.14	11216.70	4.08
Giáo viên có chứng chỉ được phân công ngoài lĩnh vực (“ngoài lĩnh vực” theo ESSA)	0.00	0.00	0.00	0.00	12115.80	4.41
Không rõ/Không đầy đủ/Không áp dụng	3.50	11.86	32.00	7.79	18854.30	6.86
Tổng số vị trí giảng dạy	29.50	100.00	410.60	100.00	274759.10	100.00

Lưu ý: Dữ liệu trong bảng này dựa trên trạng thái tương đương toàn thời gian (FTE). Một FTE tương đương với một nhân viên làm việc toàn thời gian; một FTE cũng có thể đại diện cho hai nhân viên, mỗi người làm việc 50 phần trăm thời gian toàn thời gian. Ngoài ra, phân công nhiệm vụ được định nghĩa là vị trí mà nhà giáo dục được giao dựa trên bối cảnh, môn học và trình độ lớp học. Ủy quyền được định nghĩa là các dịch vụ mà nhà giáo dục được phép cung cấp cho học sinh.

Chuẩn Bị và Bố Trí Giáo Viên năm 2021-22

Ủy quyền/Phân công	Trường học Số	Trường học Phần trăm	Khu học chánh Số	Khu học chánh Phần trăm	Tiểu bang Số	Tiểu bang Phần trăm
Được cấp phép đầy đủ (sơ bộ hoặc rõ ràng) cho môn học và xếp lớp của học sinh (được phân công phù hợp)	27.50	90.16	378.10	89.28	234405.20	84.00
Người giữ chứng chỉ thực tập được phân công phù hợp	0.00	0.00	0.00	0.00	4853.00	1.74
Giáo viên không có chứng chỉ và phân công sai (“không hiệu quả” theo ESSA)	0.00	0.00	14.40	3.41	12001.50	4.30
Giáo viên có chứng chỉ được phân công ngoài lĩnh vực (“ngoài lĩnh vực” theo ESSA)	0.00	0.00	0.80	0.20	11953.10	4.28
Không rõ/Không đầy đủ/Không áp dụng	3.00	9.84	30.10	7.11	15831.90	5.67
Tổng số vị trí giảng dạy	30.50	100.00	423.40	100.00	279044.80	100.00

Lưu ý: Dữ liệu trong bảng này dựa trên trạng thái tương đương toàn thời gian (FTE). Một FTE tương đương với một nhân viên làm việc toàn thời gian; một FTE cũng có thể đại diện cho hai nhân viên, mỗi người làm việc 50 phần trăm thời gian toàn thời gian. Ngoài ra, phân công nhiệm vụ được định nghĩa là vị trí mà nhà giáo dục được giao dựa trên bối cảnh, môn học và trình độ lớp học. Ủy quyền được định nghĩa là các dịch vụ mà nhà giáo dục được phép cung cấp cho học sinh.

Chuẩn Bị và Bố Trí Giáo Viên năm 2022-23

Ủy quyền/Phân công	Trường học Số	Trường học Phần trăm	Khu học chánh Số	Khu học chánh Phần trăm	Tiểu bang Số	Tiểu bang Phần trăm
Được cấp phép đầy đủ (sơ bộ hoặc rõ ràng) cho môn học và xếp lớp của học sinh (được phân công phù hợp)	28.50	90.48	378.60	87.29	231142.40	83.24
Người giữ chứng chỉ thực tập được phần công phù hợp	0.00	0.00	0.00	0.00	5566.40	2.00
Giáo viên không có chứng chỉ và phân công sai (“không hiệu quả” theo ESSA)	0.00	0.00	4.10	0.95	14938.30	5.38
Giáo viên có chứng chỉ được phân công ngoài lĩnh vực (“ngoài lĩnh vực” theo ESSA)	0.00	0.00	14.60	3.38	11746.90	4.23
Không rõ/Không đầy đủ/Không áp dụng	3.00	9.52	36.30	8.38	14303.80	5.15
Tổng số vị trí giảng dạy	31.50	100.00	433.70	100.00	277698.00	100.00

Lưu ý: Dữ liệu trong bảng này dựa trên trạng thái tương đương toàn thời gian (FTE). Một FTE tương đương với một nhân viên làm việc toàn thời gian; một FTE cũng có thể đại diện cho hai nhân viên, mỗi người làm việc 50 phần trăm thời gian toàn thời gian. Ngoài ra, phân công nhiệm vụ được định nghĩa là vị trí mà nhà giáo dục được giao dựa trên bối cảnh, môn học và trình độ lớp học. Ủy quyền được định nghĩa là các dịch vụ mà nhà giáo dục được phép cung cấp cho học sinh.

Giáo viên không có chứng chỉ và phân công sai (được coi là “không hiệu quả” theo ESSA)

Ủy quyền/Phân công	2020-21	2021-22	2022-23
Giấy phép và Miễn trừ	0.00	0.00	0
Phân công sai	0.00	0.00	0
Vị trí trống	0.00	0.00	0
Tổng số giáo viên không có chứng chỉ và phân công sai	0.00	0.00	0

Giáo viên có chứng chỉ được phân công ngoài lĩnh vực (được coi là “ngoài lĩnh vực” theo ESSA)

Chỉ số	2020-21	2021-22	2022-23
Giáo viên có chứng chỉ được cấp phép hoặc miễn trừ	0.00	0.00	0
Các tùy chọn phân công nội bộ	0.00	0.00	0
Tổng số giáo viên ngoài lĩnh vực	0.00	0.00	0

Phân công lớp học

Chỉ số	2020-21	2021-22	2022-23
Phân công sai cho Người học tiếng Anh (tỷ lệ phần trăm tất cả các lớp học có Người học tiếng Anh được giảng dạy bởi giáo viên được phân công sai)	0.00	0	0
Không có bằng cấp, giấy phép hoặc ủy quyền giảng dạy (tỷ lệ phần trăm tất cả các lớp học được giảng dạy bởi các giáo viên không có hồ sơ ủy quyền giảng dạy)	3.10	0	0

Lưu ý: Để biết thêm thông tin, vui lòng tham khảo trang web Định Nghĩa về Công Bằng của Giáo Viên được cập nhật tại địa chỉ https://www.cde.ca.gov/pd/ee/teacherequitydefinitions.asp.

Chất lượng, Tính cập nhật, Tính sẵn có của Sách giáo khoa và các tài liệu giảng dạy khác năm 2024-25

Westminster School District held a hearing on October 12, 2023 and determined that each school within the district had sufficient and good quality textbooks, instructional materials, or science lab equipment pursuant to the settlement of Williams vs. The State of California. Core subject textbooks and instructional materials are provided for each student, including English Learners.

Standards-aligned texts and materials are reserved both for use in the classroom and to take home. All textbooks and instructional materials used within the school are aligned with California State Frameworks, State Board of Education, and District Standards.

Westminster School District is actively involved in the selection process of materials and textbooks. The selection process involves teachers, administrators, district support personnel, and parents. The district follows the State of California's Textbook Adoption Cycle, which requires every school site to review textbooks in each curriculum area within a seven-year cycle; textbooks are replaced at the rate of one subject area per year. The table contains a list of the most recent textbook adoptions in core curriculum areas for the school as of October 12, 2023.

Năm và tháng dữ liệu được thu thập	December 2024

Môn học	Sách giáo khoa và các tài liệu giảng dạy khác/năm áp dụng	Từ lần áp dụng gần đây nhất?	Phần trăm học sinh không có bản sao được giao riêng
Đọc/Ngữ văn	McGraw-Hill World of Wonders / 2017 McGraw-Hill World of Wonders with Integrated ELD (Program 2) / 2017	Yes	0
Toán	McGraw-Hill (My Math) / 2016	Yes	0
Khoa Học	McGraw-Hill Inspire Science / 2020	Yes	0
Lịch sử-Khoa học xã hội	Social Studies SAAVAS / 2022	Yes	0
Nghệ thuật thị giác và biểu diễn	McMillan McGraw-Hill (Spotlight on Music California) / 2009	Yes	0
Thiết bị phòng thí nghiệm khoa học (lớp 9-12)	Không áp dụng	Không áp dụng	

Lưu ý: Các ô có giá trị Không áp dụng không yêu cầu dữ liệu.

Điều kiện cơ sở vật chất của trường và những cải tiến theo kế hoạch

Hayden Elementary School offers a safe and secure campus for students, staff, and visitors. The chart displays the results of the most recent facility inspection provided by the district in July 2023.

Cleaning Process & Schedule
The district governing board has adopted cleaning standards for all schools in the district. All schools are on a regular cleaning schedule. Each classroom is swept or vacuumed and the trash emptied. The cafeteria, multipurpose room, and all restrooms are cleaned daily. Grounds are groomed on a rotating basis, with trash, lawn, and plumbing issues addressed daily.

Maintenance & Repair
District maintenance staff ensures that the repairs necessary to keep the school in good repair and working order are completed in a timely manner. A work order process is used to ensure efficient service that emergency repairs are given the highest priority. We use a Work Order interface to submit for repairs.

Deferred Maintenance Budget
The district participates in the State School Deferred Maintenance Program, which provides state matching funds on a dollar-for-dollar basis, to assist school districts with expenditures for major repair or replacement of existing school building components. Typically, this includes roofing, plumbing, heating, air conditioning, electrical systems, paving, and floor systems.

Năm và tháng lập báo cáo FIT gần đây nhất	8/30/2024

Điều kiện cơ sở vật chất của trường và những cải tiến theo kế hoạch

Hệ thống đã được kiểm tra	Đánh giá Tốt	Đánh giá Trung bình	Đánh giá Kém	Cần sửa chữa và hành động đã thực hiện hoặc đã lên kế hoạch
Hệ thống: Rò rỉ khí gas, Cơ khí/HVAC, Cống rãnh	X			A1-A10 Portable Classrooms: Some stained ceiling tiles and carpets
Nội thất: Bề mặt nội thất		X		: A1-A10 Portable Classrooms: Some stained ceiling tiles and carpets F-Wing Portable Restroom: Flooring needs to be replaced
Độ sạch sẽ: Độ sạch sẽ chung, Sự xâm nhập của sâu bọ	X			
Điện	X			
Nhà vệ sinh/Bồn rửa: Nhà vệ sinh, bồn rửa	X			B1-B4 Classrooms: Need to replace drinking fountain on Building B, no longer working efficiently.
An toàn: An toàn cháy nổ, Vật liệu nguy hại	X			
Kết cấu: Hư hỏng về kết cấu, Mái nhà	X			
Ngoại thất: Sân chơi/Sân trường, Cửa sổ/Cửa ra vào/Cổng/Hàng rào		X		Upper & Lower Playgrounds: Some uneven sorts from tree roots on asphalt surface

Đánh giá chung về cơ sở vật chất

Mẫu mực	Tốt	Trung bình	Kém
	X		

B. Kết quả học tập của học sinh

Ưu tiên của Tiểu bang: Thành tích học sinh

SARC cung cấp các thông tin sau đây có liên quan đến ưu tiên của Tiểu bang: Thành tích của học sinh (Ưu tiên 4):

Bài Đánh Giá Toàn Tiểu Bang
(cụ thể là Hệ Thống Bài Đánh Giá Thành Tích và Tiến Bộ của Học Sinh California [CAASPP] bao gồm Bài Đánh Giá Tổng Hợp Smarter Balanced dành cho học sinh trong nhóm giáo dục phổ thông và Bài Đánh Giá Thay Thế California [CAA] dành cho môn ngữ văn Anh/đọc viết [ELA] và toán được tổ chức cho học sinh từ lớp ba đến lớp tám và lớp mười một. Chỉ những học sinh đủ điều kiện mới có thể tham gia bài đánh giá CAA. Các mục kiểm tra trong bài đánh giá CAA được liên kết với các tiêu chuẩn thành tích thay thế, có liên quan đến Tiêu Chuẩn Cốt Lõi Chung của Tiểu Bang [CCSS] dành cho học sinh có khuyết tật nhận thức nghiêm trọng nhất).

Hệ thống CAASPP bao gồm các bài đánh giá và yêu cầu tham gia của học sinh như sau:

1. **Bài Đánh Giá Tổng Hợp Smarter Balanced và CAA cho môn ELA** từ lớp ba đến lớp tám và lớp mười một.
2. **Bài Đánh Giá Tổng Hợp Smarter Balanced và CAA cho môn Toán** từ lớp ba đến lớp tám và lớp mười một.
3. **Bài Kiểm Tra Khoa Học California (CAST) và CAA về Khoa học** ở lớp năm, lớp tám và một lần ở bậc trung học (tức là lớp mười, lớp mười một hoặc lớp mười hai).

Mức độ sẵn sàng vào Đại học và Đi làm
Tỷ lệ học sinh đã hoàn thành các khóa học đáp ứng được các yêu cầu tuyển sinh vào Đại Học California và Đại Học Tiểu Bang California, hoặc các chương trình hoặc trình tự giáo dục kỹ thuật nghề nghiệp.

Tỷ lệ học sinh đạt hoặc vượt tiêu chuẩn của tiểu bang trong CAASPP

Bảng này hiển thị kết quả bài kiểm tra CAASPP về môn ELA và Toán cho tất cả học sinh từ lớp ba đến lớp tám và lớp mười một tham gia và hoàn thành bài đánh giá do tiểu bang tổ chức.

Để bảo vệ quyền riêng tư của học sinh, dấu gạch ngang kép (--) được sử dụng trong bảng khi số ô trong nhóm học sinh được chọn là mười hoặc ít hơn.

Kết quả kiểm tra ELA và Toán bao gồm Bài Đánh Giá Tổng Hợp Smarter Balanced và CAA. “Tỷ lệ đạt hoặc vượt chuẩn” được tính bằng cách lấy tổng số học sinh đạt hoặc vượt chuẩn trong Bài Đánh Giá Tổng Hợp Smarter Balanced cộng với tổng số học sinh đạt chuẩn (tức là đạt Cấp độ 3 - Thay thế) trong CAA chia cho tổng số học sinh tham gia cả hai bài đánh giá.

Môn học	Trường học 2022-23	Trường học 2023-24	Khu học chánh 2022-23	Khu học chánh 2023-24	Tiểu bang 2022-23	Tiểu bang 2023-24
Ngữ văn Anh/Đọc viết (lớp 3-8 và 11)	59	54	53	53	46	47
Toán (lớp 3-8 và 11)	49	49	44	45	34	35

Kết quả khảo thí CAASPP năm 2023-24 môn ELA theo nhóm học sinh

Bảng này hiển thị kết quả bài kiểm tra CAASPP về môn ELA theo nhóm học sinh cho tất cả học sinh từ lớp ba đến lớp tám và lớp mười một tham gia và hoàn thành bài đánh giá do tiểu bang tổ chức.

Kết quả kiểm tra ELA bao gồm Bài Đánh Giá Tổng Hợp Smarter Balanced và CAA. "Tỷ lệ đạt hoặc vượt chuẩn" được tính bằng cách lấy tổng số học sinh đạt hoặc vượt chuẩn trong Bài Đánh Giá Tổng Hợp Smarter Balanced cộng với tổng số học sinh đạt chuẩn (tức là đạt Cấp độ 3 - Thay thế) trong CAA chia cho tổng số học sinh tham gia cả hai bài đánh giá.

Để bảo vệ quyền riêng tư của học sinh, dấu gạch ngang kép (--) được sử dụng trong bảng khi số ô trong nhóm học sinh được chọn là mười hoặc ít hơn.

Lưu ý: Số lượng học sinh được khảo thí bao gồm tất cả học sinh tham gia khảo thí bất kể có nhận được điểm hay không; tuy nhiên, số lượng học sinh được khảo thí không phải là con số được sử dụng để tính phần trăm mức thành tích. Mức thành tích chỉ được tính cho những học sinh nhận được điểm.

(CAASPP) **Nhóm học sinh**	(CAASPP) **Tổng TUYỂN SINH**	(CAASPP) **Số được khảo thí**	(CAASPP) **Phần trăm được khảo thí**	(CAASPP) **Phần trăm không được khảo thí**	(CAASPP) **Phần trăm đạt hoặc vượt chuẩn**
Tất cả học sinh	296	290	97.97	2.03	53.79
Nữ	142	140	98.59	1.41	60.71
Nam	154	150	97.40	2.60	47.33
Người Mỹ Bản Địa hoặc Người Alaska Bản Địa	0	0	0	0	0
Người gốc Á	176	176	100.00	0.00	66.48
Người Da Đen hoặc Người Mỹ gốc Phi	--	--	--	--	--
Người gốc Philippines	--	--	--	--	--
Người gốc Tây Ban Nha hoặc La tinh	103	99	96.12	3.88	29.29
Người Hawaii Bản Địa hoặc Người dân đảo Thái Bình Dương	0	0	0	0	0
Học sinh thuộc hai chủng tộc trở lên	--	--	--	--	--
Người Da Trắng	--	--	--	--	--
Người Học Tiếng Anh	115	111	96.52	3.48	26.13
Thanh thiếu niên thuộc diện chăm sóc nuôi dưỡng	0	0	0	0	0
Học sinh vô gia cư	31	28	90.32	9.68	35.71
Quân đội	--	--	--	--	--
Học sinh có hoàn cảnh kinh tế xã hội khó khăn	247	241	97.57	2.43	50.21
Học sinh nhận được dịch vụ giáo dục nhập cư	0	0	0	0	0
Học sinh khuyết tật	39	38	97.44	2.56	10.53

Kết quả khảo thí CAASPP năm 2023-24 môn Toán theo nhóm học sinh

Bảng này hiển thị kết quả bài kiểm tra CAASPP về môn Toán theo nhóm học sinh cho tất cả học sinh từ lớp ba đến lớp tám và lớp mười một tham gia và hoàn thành bài đánh giá do tiểu bang tổ chức.

Kết quả kiểm tra môn Toán bao gồm Bài Đánh Giá Tổng Hợp Smarter Balanced và CAA. "Tỷ lệ đạt hoặc vượt chuẩn" được tính bằng cách lấy tổng số học sinh đạt hoặc vượt chuẩn trong Bài Đánh Giá Tổng Hợp Smarter Balanced cộng với tổng số học sinh đạt chuẩn (tức là đạt Cấp độ 3 - Thay thế) trong CAA chia cho tổng số học sinh tham gia cả hai bài đánh giá.

Để bảo vệ quyền riêng tư của học sinh, dấu gạch ngang kép (--) được sử dụng trong bảng khi số ô trong nhóm học sinh được chọn là mười hoặc ít hơn.

Lưu ý: Số lượng học sinh được khảo thí bao gồm tất cả học sinh tham gia khảo thí bất kể có nhận được điểm hay không; tuy nhiên, số lượng học sinh được khảo thí không phải là con số được sử dụng để tính phần trăm mức thành tích. Mức thành tích chỉ được tính cho những học sinh nhận được điểm.

(CAASPP) **Nhóm học sinh**	(CAASPP) **Tổng TUYỂN SINH**	(CAASPP) **Số được khảo thí**	(CAASPP) **Phần trăm được khảo thí**	(CAASPP) **Phần trăm không được khảo thí**	(CAASPP) **Phần trăm đạt hoặc vượt chuẩn**
Tất cả học sinh	296	293	98.99	1.01	48.81
Nữ	142	141	99.30	0.70	47.52
Nam	154	152	98.70	1.30	50.00
Người Mỹ Bản Địa hoặc Người Alaska Bản Địa	0	0	0	0	0
Người gốc Á	176	176	100.00	0.00	61.36
Người Da Đen hoặc Người Mỹ gốc Phi	--	--	--	--	--
Người gốc Philippines	--	--	--	--	--
Người gốc Tây Ban Nha hoặc La tinh	103	102	99.03	0.97	25.49
Người Hawaii Bản Địa hoặc Người dân đảo Thái Bình Dương	0	0	0	0	0
Học sinh thuộc hai chủng tộc trở lên	--	--	--	--	--
Người Da Trắng	--	--	--	--	--
Người Học Tiếng Anh	115	114	99.13	0.87	28.95
Thanh thiếu niên thuộc diện chăm sóc nuôi dưỡng	0	0	0	0	0
Học sinh vô gia cư	31	30	96.77	3.23	26.67
Quân đội	--	--	--	--	--
Học sinh có hoàn cảnh kinh tế xã hội khó khăn	247	244	98.79	1.21	42.62
Học sinh nhận được dịch vụ giáo dục nhập cư	0	0	0	0	0
Học sinh khuyết tật	39	38	97.44	2.56	10.53

Kết quả khảo thí CAASPP môn Khoa học dành cho tất cả học sinh

Bảng này hiển thị tỷ lệ phần trăm tất cả học sinh lớp năm, lớp tám và trung đạt hoặc vượt Tiêu chuẩn của Tiểu bang.

Kết quả kiểm tra môn Khoa học bao gồm CAST và CAA môn Khoa học. “Tỷ lệ đạt hoặc vượt chuẩn” được tính bằng cách lấy tổng số học sinh đạt hoặc vượt chuẩn trong CAST cộng với tổng số học sinh đạt chuẩn (tức là đạt Cấp độ 3 - Thay thế) trong CAA cho môn Khoa học chia cho tổng số học sinh tham gia cả hai bài đánh giá môn khoa học.

Để bảo vệ quyền riêng tư của học sinh, dấu gạch ngang kép (--) được sử dụng trong bảng khi số ô trong nhóm học sinh được chọn là mười hoặc ít hơn.

Số lượng học sinh được khảo thí bao gồm tất cả học sinh tham gia khảo thí bất kể có nhận được điểm hay không; tuy nhiên, số lượng học sinh được khảo thí không phải là con số được sử dụng để tính phần trăm mức thành tích. Mức thành tích chỉ được tính cho những học sinh nhận được điểm.

Môn học	Trường học 2022-23	Trường học 2023-24	Khu học chánh 2022-23	Khu học chánh 2023-24	Tiểu bang 2022-23	Tiểu bang 2023-24
Khoa Học (lớp 5, 8 và trung học)	38.10	40.74	37.69	35.46	30.29	30.73

Kết quả khảo thí CAASPP năm 2023-24 môn Khoa học theo nhóm học sinh

Bảng này hiển thị kết quả bài kiểm tra CAASPP môn Khoa học theo nhóm học sinh lớp năm, lớp tám và trung học. Dấu gạch ngang kép (--) xuất hiện trong bảng khi số lượng học sinh từ mười trở xuống, có thể là do số lượng học sinh trong danh mục này quá ít để đảm bảo độ chính xác về mặt thống kê hoặc để bảo vệ quyền riêng tư của học sinh.

Nhóm học sinh	Tổng TUYỂN SINH	Số được khảo thí	Phần trăm được khảo thí	Phần trăm không được khảo thí	Phần trăm đạt hoặc vượt chuẩn
Tất cả học sinh	108	108	100.00	0.00	40.74
Nữ	51	51	100.00	0.00	43.14
Nam	57	57	100.00	0.00	38.60
Người Mỹ Bản Địa hoặc Người Alaska Bản Địa	0	0	0	0	0
Người gốc Á	72	72	100.00	0.00	48.61
Người Da Đen hoặc Người Mỹ gốc Phi	--	--	--	--	--
Người gốc Philippines	--	--	--	--	--
Người gốc Tây Ban Nha hoặc La tinh	31	31	100.00	0.00	22.58
Người Hawaii Bản Địa hoặc Người dân đảo Thái Bình Dương	0	0	0	0	0
Học sinh thuộc hai chủng tộc trở lên	--	--	--	--	--
Người Da Trắng	--	--	--	--	--
Người Học Tiếng Anh	31	31	100.00	0.00	0.00
Thanh thiếu niên thuộc diện chăm sóc nuôi dưỡng	0	0	0	0	0
Học sinh vô gia cư	14	14	100.00	0.00	35.71
Quân đội	0	0	0	0	0
Học sinh có hoàn cảnh kinh tế xã hội khó khăn	94	94	100.00	0.00	39.36
Học sinh nhận được dịch vụ giáo dục nhập cư	0	0	0	0	0
Học sinh khuyết tật	18	18	100.00	0.00	5.56

B. Kết quả học tập của học sinh

Ưu tiên của Tiểu bang: Kết quả khác của học sinh

SARC cung cấp các thông tin sau đây có liên quan đến ưu tiên của Tiểu bang: Các kết quả khác của học sinh (Ưu tiên 8): Kết quả học tập của học sinh trong môn giáo dục thể chất.

Kết Quả Bài Kiểm Tra Thể Lực California 2023-24

Bảng này hiển thị tỷ lệ phần trăm tất cả học sinh lớp năm, lớp tám và trung đạt hoặc vượt Tiêu chuẩn của Tiểu bang. Việc tổ chức khảo thí PFT chỉ yêu cầu kết quả tham gia của năm lĩnh vực thể lực này. Phần trăm không được tính toán và dấu gạch ngang kép (--) xuất hiện trong bảng khi số lượng học sinh được khảo thí từ mười trở xuống, có thể là do số lượng học sinh trong danh mục này quá ít để đảm bảo độ chính xác về mặt thống kê hoặc để bảo vệ quyền riêng tư của học sinh.

Khối lớp	Thành phần 1: Khả năng hiếu khí	Thành phần 2: Sức bền và Sức mạnh cơ bụng	Thành phần 3: Duỗi thân, Sức mạnh và Độ dẻo dai	Thành phần 4: Sức mạnh và Sức bền của thân trên	Thành phần 5: Độ linh hoạt
Lớp 5	96%	100%	100%	100%	100%

C. Mức độ gắn kết

Ưu tiên của Tiểu bang: Sự tham gia của phụ huynh

SARC cung cấp các thông tin sau đây có liên quan đến ưu tiên của Tiểu bang: Sự tham gia của phụ huynh (Ưu tiên 3) Những nỗ lực của khu học chánh nhằm tìm kiếm ý kiến đóng góp của phụ huynh trong việc đưa ra quyết định liên quan đến khu học chánh và tại mỗi cơ sở trường học.

Cơ hội tham gia của phụ huynh năm 2024-25

Hayden Elementary School is aware of the positive correlation between parent and community involvement and the success of students. Parents and community members are encouraged to join the teachers and district administrators in the many activities, programs, and organizations that support its students. Numerous programs and activities are enriched by the generous contributions made by the City of Westminster, Westminster Family Resource Center, ASES, ESP, and charitable organizations. All Hayden parents are invited and encouraged to attend all meetings via email and school website. Hayden has 2 part-time community liaisons (Spanish & Vietnamese) who assist with translation and communication needs.

Some Parent Involvement Opportunities
School Site Council (SSC): During the first few weeks of the school year, all parents may run for School Site Council (SSC) and attend the meetings. There are 5 parents elected to serve on the. There are at least 4 SSC meetings spread throughout the year.

English Language Advisory Council (ELAC): There are at least 3 meetings spread throughout the year. The Community Liaisons reach out to EL families and encourage their participation.

PTA: There are monthly meetings and they host school activities such as Fall Festival, Book Fair, Holiday Photos, and more.

Back-to-School Night: Teachers present to parents about their classroom policies.

Fall Festival: Celebration in the Fall with families and students in the evening (PTA sponsored)

Family Art Night

Family Bird & Reptile Show

Lunch on the Lawns

Hayden Highlights Live Parent Meetings (Similar to Coffee with the Principal)

Mad Science Nights

Fall Goal Setting Conferences: Parent-teacher conferences for all students where parents review assessment data and collaborate to set goals.

Spring At-Risk Conferences: Parent-teacher conferences with parents of at-risk students

Cơ hội tham gia của phụ huynh năm 2024-25

Student Study Team (SST), 504, and IEP Meetings: Parents collaborate with teacher and support staff to provide interventions and accommodations to meet the needs of their child.

Open House: Teachers showcase student work and reflect on the school year.

School Smarts and Love & Logic Parent Classes

WSD Parent Symposium

Parent Volunteer opportunities

Parent Education Nights: Parents education meeting nights are offered throughout the year. Parents are surveyed on their topics of interest.

These opportunities are designed to welcome parents, solicit input, and answer questions. We have open communication with families where parents are encouraged to make an appointment with their child's teacher or principal at any time. Our school website, weekly Hayden Highlight emails, and Instagram account to keep families up to date with what is going on at Hayden. We have also added Seesaw school-wide to help communicate with our parents.

Parent surveys will provide us with feedback and direction.Hayden Elementary School will provide materials and training, such as literacy training and using technology, to help parents to work with their child to improve their child's achievement. Hayden Elementary School will educate all staff members, with the assistance of parents, in how to reach out to, communicate with, and work with parents as equal partners, implement and coordinate parent programs, and build ties between parents and Home-School Compact shall be developed jointly with parents outlining how parents, the entire school staff, and students will share the responsibility for improved student academic achievement. Hayden Elementary School, when feasible and appropriate, will coordinate and integrate parent involvement programs and activities and conduct other activities that encourage and support parents to more fully participate in the education of their children.

Vắng mặt thường xuyên năm 2023-24 theo nhóm học sinh

Nhóm học sinh	Ghi danh tích lũy	Tuyển sinh đủ điều kiện vắng mặt thường xuyên	Số lượng vắng mặt thường xuyên	Tỷ lệ vắng mặt thường xuyên
Tất cả học sinh	585	573	43	7.5
Nữ	284	280	18	6.4
Nam	301	293	25	8.5
Phi nhị giới	--	--	--	--
Người Mỹ Bản Địa hoặc Người Alaska Bản Địa	--	--	--	--
Người gốc Á	323	321	11	3.4
Người Da Đen hoặc Người Mỹ gốc Phi	--	--	--	--
Người gốc Philippines	--	--	--	--
Người gốc Tây Ban Nha hoặc La tinh	220	214	29	13.6
Người Hawaii Bản Địa hoặc Người dân đảo Thái Bình Dương	--	--	--	--
Học sinh thuộc hai chủng tộc trở lên	--	--	--	--
Người Da Trắng	15	13	1	7.7
Người Học Tiếng Anh	304	300	21	7.0
Thanh thiếu niên thuộc diện chăm sóc nuôi dưỡng	--	--	--	--
Học sinh vô gia cư	75	73	11	15.1
Học sinh có hoàn cảnh kinh tế xã hội khó khăn	477	465	39	8.4
Học sinh nhận được dịch vụ giáo dục nhập cư	--	--	--	--
Học sinh khuyết tật	86	86	9	10.5

Lưu ý: Để bảo vệ quyền riêng tư của học sinh, dấu gạch ngang kép (--) được sử dụng trong bảng khi số ô trong nhóm học sinh được chọn là mười hoặc ít hơn.

C. Mức độ gắn kết

Ưu tiên của Tiểu bang: Môi Trường Học Đường

SARC cung cấp các thông tin sau đây có liên quan đến ưu tiên của Tiểu bang: Môi trường học đường (Ưu tiên 6)

- Tỷ lệ học sinh bị đình chỉ học tập;
- Tỷ lệ học sinh bị đuổi học; và
- Các thước đo địa phương khác về cảm giác an toàn

Tỷ lệ đình chỉ và đuổi học

Bảng này hiển thị dữ liệu đình chỉ và đuổi học.

Đánh giá	Trường học 2021-22	Trường học 2022-23	Trường học 2023-24	Khu học chánh 2021-22	Khu học chánh 2022-23	Khu học chánh 2023-24	Tiểu bang 2021-22	Tiểu bang 2022-23	Tiểu bang 2023-24
Đình chỉ	0.16	0.96	0	3.58	3.83	2.23	3.17	3.6	3.28
Đuổi học	0	0	0	0	0	0	0.07	0.08	0.07

Tỷ lệ đình chỉ và đuổi học theo nhóm học sinh năm 2023-24

Nhóm học sinh	Tỷ lệ đình chỉ	Tỷ lệ đuổi học
Tất cả học sinh	0.00	0.00
Nữ	0.00	0.00
Nam	0.00	0.00
Phi nhị giới	0.00	0.00
Người Mỹ Bản Địa hoặc Người Alaska Bản Địa	0.00	0.00
Người gốc Á	0.00	0.00
Người Da Đen hoặc Người Mỹ gốc Phi	0.00	0.00
Người gốc Philippines	0.00	0.00
Người gốc Tây Ban Nha hoặc La tinh	0.00	0.00
Người Hawaii Bản Địa hoặc Người dân đảo Thái Bình Dương	0.00	0.00
Học sinh thuộc hai chủng tộc trở lên	0.00	0.00
Người Da Trắng	0.00	0.00
Người Học Tiếng Anh	0.00	0.00
Thanh thiếu niên thuộc diện chăm sóc nuôi dưỡng	0.00	0.00
Học sinh vô gia cư	0.00	0.00
Học sinh có hoàn cảnh kinh tế xã hội khó khăn	0.00	0.00
Học sinh nhận được dịch vụ giáo dục nhập cư	0.00	0.00
Học sinh khuyết tật	0.00	0.00

Lưu ý: Để bảo vệ quyền riêng tư của học sinh, dấu gạch ngang kép (--) được sử dụng trong bảng khi số ô trong nhóm học sinh được chọn là mười hoặc ít hơn.

Kế Hoạch An Toàn Trường Học 2024-25

Hayden Elementary School offers a safe and secure campus for students, staff, and visitors. The school was built in 1962 and provides up-to-date facilities and adequate space for students and staff. Hayden Elementary School is comprised of a TK and kindergarten area, library

Kế Hoạch An Toàn Trường Học 2024-25

media center, Innovation lab, music room, large multipurpose room, wellness room, and classrooms. The school also enjoys a spacious playground with swings, a slide, play bars, and grassy fields for running, sports, and games.

Hayden Elementary School's Comprehensive School Site Safety Plan is reviewed annually to ensure the protection of students and staff, the school and school property, and to establish a climate that is conducive to learning. All staff members have copies of the plan and annually attend in-service days regarding school site safety policies. Students participating in in-person instruction are supervised throughout the day by classified employees and teachers. The School Safety Plan was approved by the School Site Council on October 29th 2024 and subsequently shared with our staff and families. There is a copy in the office for them to view.

The school is in compliance with all laws, educational codes, hazardous materials, and state earthquake standards. At all times, the Westminster School District continues to follow CDC guidelines and abide by all health and safety measures and policies put forth by the State of California and Orange County. Safety measures enforced and resources provided to staff and students include but are not limited to:

- Closed Campus (Gate around entire campus)
- Raptoring all visitors on campus
- Volunteer guidelines including TB test.
- Push gates
- Parking lot and traffic flow maps
- Safety Reminders to students in morning announcements
- Two-way radios
- Video surveillance cameras
- Work Order procedures
- Safety blocks on doors
- Safety Walks with city and/or school resource officer

Additionally, earthquake preparedness drills, fire drills, and shelter in place drills are held regularly. In the event of an emergency, the school's Disaster Preparedness Plan has clearly defined procedures to accommodate crises and emergency supplies are available.

D. Thông tin SARC khác

Thông tin bắt buộc trong SARC

Thông tin trong phần này phải có trong SARC nhưng không được đưa vào danh sách ưu tiên của tiểu bang cho LCFF.

Quy mô lớp học trung bình cho bậc tiểu học và Phân bố quy mô lớp học năm 2021-22

Bảng này hiển thị quy mô lớp học trung bình và phân bổ quy mô lớp học năm 2021-22. Các cột có tiêu đề "Số lớp" cho biết có bao nhiêu lớp học theo từng loại quy mô (phạm vi tổng số học sinh trên mỗi lớp). Thể loại "Khác" dành cho các lớp có nhiều trình độ.

Khối lớp	Trung bình Quy mô lớp học	Số lượng lớp học với 1-20 học sinh	Số lượng lớp học với 21-32 học sinh	Số lượng lớp học với 33 học sinh

Quy mô lớp học trung bình cho bậc tiểu học và Phân bố quy mô lớp học năm 2022-23

Bảng này hiển thị quy mô lớp học trung bình và phân bổ quy mô lớp học năm 2021-22. Các cột có tiêu đề "Số lớp" cho biết có bao nhiêu lớp học theo từng loại quy mô (phạm vi tổng số học sinh trên mỗi lớp). Thể loại "Khác" dành cho các lớp có nhiều trình độ.

Khối lớp	Quy mô lớp học trung bình	Số lượng lớp học với 1-20 học sinh	Số lượng lớp học với 21-32 học sinh	Số lượng lớp học với 33 học sinh

Quy mô lớp học trung bình cho bậc tiểu học và Phân bố quy mô lớp học năm 2023-24

Bảng này hiển thị quy mô lớp học trung bình và phân bổ quy mô lớp học năm 2023-24. Các cột có tiêu đề "Số lớp" cho biết có bao nhiêu lớp học theo từng loại quy mô (phạm vi tổng số học sinh trên mỗi lớp). Thể loại "Khác" dành cho các lớp có nhiều trình độ.

Khối lớp	Trung bình Quy mô lớp học	Số lượng lớp học với 1-20 học sinh	Số lượng lớp học với 21-32 học sinh	Số lượng lớp học với 33 học sinh
1	25		3	
2	20	2	1	
3	24		3	
4	30		3	
5	28		3	
6	32		3	

Tỷ lệ Học sinh so với Cố vấn học tập năm 2023-24

Bảng này hiển thị tỷ lệ học sinh so với Cố vấn học thuật. Một Tương đương toàn thời gian (FTE) tương đương với một nhân viên làm việc toàn thời gian; một FTE cũng có thể đại diện cho hai nhân viên, mỗi người làm việc 50 phần trăm thời gian toàn thời gian.

Chức danh	Tỷ lệ
Học sinh so với Cố vấn học tập	1380

Nhân viên Dịch Vụ Hỗ Trợ Học Sinh năm 2023-24

Bảng này hiển thị số lượng nhân viên hỗ trợ FTE được phân công cho trường này. Một Tương đương toàn thời gian (FTE) tương đương với một nhân viên làm việc toàn thời gian; một FTE cũng có thể đại diện cho hai nhân viên, mỗi người làm việc 50 phần trăm thời gian toàn thời gian. Danh mục "Khác" dành cho tất cả các vị trí nhân viên dịch vụ hỗ trợ học sinh khác không được liệt kê.

Chức danh	Số lượng FTE được phân công cho trường
Cố vấn (Phát triển học thuật, xã hội/hành vi hoặc nghề nghiệp)	0.4
Giáo viên truyền thông thư viện (Thủ thư)	
Nhân viên dịch vụ truyền thông thư viện (Hỗ trợ)	
Chuyên gia tâm lý	
Nhân viên xã hội	
Y tá	
Chuyên gia về phát âm/ngôn ngữ/thính giác	
Chuyên gia nguồn lực (không giảng dạy)	
Khác	

Chi tiêu cho mỗi học sinh và lương giáo viên tại trường trong năm tài chính 2022-23

Bảng này hiển thị chi phí cho mỗi học sinh và mức lương giáo viên trung bình của trường này trong năm 2022-23. Các ô có giá trị Không áp dụng không yêu cầu dữ liệu.

Cấp độ	Tổng Chi tiêu Mỗi học sinh	Chi tiêu Mỗi học sinh (Hạn chế)	Chi tiêu Mỗi học sinh (Không hạn chế)	Quy mô Giáo Viên Lương
Trường	$ 19,875.75	$ 9,207.75	$ 10,668.00	$ 111,650.00
Khu học chánh	Không áp dụng	Không áp dụng	$ 10,604.71	$ 110,397.00
Phần trăm chênh lệch - Điểm trường và Khu học chánh	Không áp dụng	Không áp dụng	0.6%	1.1%
Tiểu bang	Không áp dụng	Không áp dụng	$ 10,770.62	$ 96,325.00
Phần trăm chênh lệch - Điểm trường và Tiểu bang	Không áp dụng	Không áp dụng	-1.0%	13.7%

Các loại dịch vụ được cấp kinh phí trong năm tài chính 2023-24

- Federal, ECIA/ESEA/IASA
- Federal, Special Education, Entitlement per UDC
- Federal, Special Education, Discretionary Grants
- Federal, Drug/Alcohol/Tobacco Funds
- Federal, Interagency Contracts
- Special Education Master Plan - Current Year
- Local Control Funding Formula
- Special Education Transportation
- Educational Technology Assistance Grants
- McKinney-Vento Grant

Lương giáo viên và ban giám hiệu trong năm tài chính 2022-23

Bảng này hiển thị mức lương của Giáo viên và Ban giám hiệu trong năm 2022-23. Để biết thông tin chi tiết về mức lương, vui lòng tham khảo trang web Lương và Phúc lợi Chứng nhận CDE tại địa chỉ http://www.cde.ca.gov/ds/fd/cs/.

Danh mục	Khu học chánh Số tiền	Trung bình của tiểu bang cho các Khu học chánh trong cùng một Danh mục
Lương giáo viên mới	$51,674	$58,553
Lương giáo viên có thâm niên trung bình	$95,047	$93,924
Mức lương giáo viên cao nhất	$131,194	$119,489
Mức lương hiệu trưởng trung bình (Tiểu học)	$134,527	$149,898
Mức lương hiệu trưởng trung bình (Sơ trung)	$134,527	$157,111
Mức lương hiệu trưởng trung bình (Trung học)	$0	$151,698
Lương giám đốc	$277,355	$270,432
Phần trăm ngân sách dành cho Lương giáo viên	37.96	31.93
Phần trăm ngân sách dành cho lương của Ban giám hiệu	4.28	5.62

Phát triển Chuyên môn

Annually there are three district staff, classified and certificated, professional development days. The topics for these days are determined by the district level focus areas such as safety, curriculum adoptions and instructional supports as well as input from the staff for "voice and choice" session tailored to specific needs such as social-emotional supports and staff evaluations. In addition, the district provides monthly release time for professional teams to work and learn together. Certificated staff also participates in bi-monthly Wednesday professional development in either team professional learning communities or targeted professional training sessions. Instructional support specialists provide classroom coaching and professional development that is on-going throughout the year. District staff also attend conferences and outside training that is site determined such as behavior interventions and supports, AVID conference, Write From the Beginning training, technology training, Thinking Map training, Social Studies textbook training, ELD training, PLC trainings, GATE trainings, and more.

Bảng này hiển thị số ngày học dành riêng cho phát triển nhân viên và cải tiến liên tục.

Môn học	2022-23	2023-24	2024-25
Số ngày học dành cho Phát triển nhân viên và Cải tiến liên tục	3	3	3